TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 485/2017/DS-ST
Ngày: 26/09/2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Ngọc

2. Ông Phan Thanh Tùng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn An Lập - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký Toà án nhân dân Quận 8.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2016, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2016/QĐXXST-DS ngày 15/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 157/2017/QĐST-DS ngày 08/9/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH Một thành viên H

(Tên cũ: Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Chính P)

Trụ sở: Tầng G, T và M Tòa Nhà N, số 20 đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Minh Th, sinh năm: 1981. Đại diện theo ủy quyền, giấy ủy quyền số 2301265380/2016GUQ lập ngày 25/5/2016 *(có đơn xin vắng mặt)*

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1970 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: 6F đường D, Phường E, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Công ty tài chính TNHH Một thành viên H và các lời trình bày của đại diện nguyên đơn ông Đặng Minh Th thể hiện:

Ngày 09/12/2013 bà Nguyễn Thị L vay tiền của Công ty TNHH Một thành viên tài chính P nay là Công ty tài chính TNHH Một thành viên H, theo hợp đồng tín dụng trả góp số 2301265380, số tiền vay là 16.600.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng. Thời hạn vay là 18 tháng tính kể từ ngày giải ngân. Mỗi tháng trả góp 1.566.000 đồng, trả vào ngày 22 hàng tháng, trả tháng đầu tiên vào ngày 22/01/2014, lãi suất 6.17%/tháng. Tổng số tiền phải góp là 28.188.000 đồng. Bà L đã thanh toán được 13 kỳ là 20.358.000 đồng (trong đó tiền vốn 10.342.000 đồng và lãi 10.015.637 đồng) đến ngày 20/01/2015 thì ngưng luôn đến nay. Hiện bà L còn nợ là 8.980.000 đồng, gồm tiền vốn 6.257.637 đồng, tiền lãi 1.572.363 đồng và phạt chưa trả 1.150.000 đồng.

Yêu cầu bà L thanh toán ngay một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Công ty chỉ yêu cầu trả đúng số tiền mà hai bên thỏa thuận như công ty đã khởi kiện. Công ty không yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ trên từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Chỉ yêu cầu tính lãi khi bản án có hiệu lực pháp luật và công ty có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bà L không thi hành thì còn phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt, không có bản tự khai, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

*Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 có ông Nguyễn An Lập phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, căn cứ vào hợp đồng tín dụng ngày 09/12/2013 bà Nguyễn Thị L với Công ty TNHH Một thành viên tài chính P nay là Công ty tài chính TNHH Một thành viên H, theo hợp đồng tín dụng trả góp số 2301265380, số tiền vay là 16.600.000 đồng. Tổng số tiền bà L phải góp là 28.188.000 đồng, bao gồm tiền vốn là 16.600.000 đồng và lãi là 11.588.000 đồng. Xét về nội dung đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự, sự thỏa thuận này là phù hợp pháp luật. Do đó, căn cứ vào Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH Một thành viên H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu của Công ty tài chính TNHH Một thành viên H đối với bà Nguyễn Thị L, căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 2301265380, số tiền vay là 16.600.000 đồng giữa công ty TNHH Một thành viên tài chính P nay là Công ty tài chính TNHH Một thành viên H với bà Nguyễn Thị L, thì đây là tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Điều 3, 90 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Bà L không đến Tòa, nhưng qua xác minh tại địa phương bà L vẫn cư trú tại 6F đường D, Phường E, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận I, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Công ty tài chính TNHH Một thành viên H có ông Đặng Minh Th đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L vẫn không đến Tòa để giải quyết. Qua xác minh bà L vẫn còn cư trú tại số 6F đường D, Phường E, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2017/QĐXXST-DS ngày 15/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 157/2017/QĐST-DS ngày 08/9/2017. Tuy nhiên bà L vẫn không đến Tòa.

Căn cứ theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn theo yêu cầu của đại diện nguyên đơn và xét xử bị đơn vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Vụ án được xét xử công khai.

3. Về nội dung:

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H:

Xét việc bà Nguyễn Thị L đã ký hợp đồng tín dụng số 2301265380 để vay số tiền là 16.600.000 đồng ngày 09/12/2013 với Công ty TNHH Một thành viên tài chính P nay là Công ty tài chính TNHH Một thành viên H là có thật, phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Bà L là người vay tiền đã nhận đủ số tiền vay và cũng đã thanh toán được số tiền là 20.358.000 đồng đến ngày 20/01/2015 (trả gốc là 10.342.363 đồng và lãi là 10.015.637 đồng). Trong hợp đồng tín dụng trả góp giữa hai bên ký kết thì số tiền thực tế bà L phải trả cho Công ty là 28.188.000 đồng, mỗi tháng phải trả góp 1.566.000 đồng, góp trong 18 tháng. Đây là sự thỏa thuận của các đương sự được ghi cụ thể trong hợp đồng, nhưng bà L lại vi phạm nghĩa vụ trả tiền hàng tháng nên việc Công ty tài chính TNHH Một thành viên H khởi kiện yêu cầu bà L phải tiếp tục trả hết số tiền cả lãi và gốc là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất, xét hợp đồng tín dụng số ngày 2301265380 ngày 09/12/2013 giữa hai bên có thỏa thuận về lãi suất là 6.17%/tháng. Căn cứ theo khoản 1 Điều 468 Bộ

luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Tuy nhiên theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 thì bên vay phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do đây là hợp đồng tín dụng, chịu sự điều chỉnh của Luật các tổ chức tín dụng, vì vậy sự thỏa thuận này phù hợp nên được chấp nhận. Do đó, chấp nhận về phần lãi của nguyên đơn. Mặt khác, nguyên đơn đã ngưng tính lãi từ ngày khởi kiện và cũng không tiếp tục tính lãi cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chỉ yêu cầu tính lãi theo Bộ luật Dân sự năm 2015 khi Công ty có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi bị đơn trả hết số nợ. Xét thấy đây là sự tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H về yêu cầu bà Nguyễn Thị L thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là 8.980.000 đồng. Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội, bà L phải chịu toàn bộ án phí là 449.000 đồng. Hoàn lại tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng :

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền 8.980.000 đồng *(Tám triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng)* cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H.

Thi hành một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm tiền lãi, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tính theo qui định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu là 449.000 đồng *(Bốn trăm bốn mươi chín ngàn đồng)*.

Nguyên đơn Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 224.500 đồng theo biên lai thu số 0001961 ngày 06/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- CC.THA Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Kim